

Số:19/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 21 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1997

Bị đơn: Chị Vũ Thị T sinh năm 1995

Đều trú tại: Thôn 3, xã Hạ Lễ, tỉnh Hưng Yên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/01/2022

- Người đại diện theo pháp luật cho cháu H: Chị Tình

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55,81,82,83 của Luật hôn nH và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm,thu nộp,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13/01/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/01/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn L và chị Vũ Thị Tình.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ về tình cảm: Anh Nguyễn Văn L và chị Vũ Thị Tình thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung: Chị Tình tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/01/2022 đến tuổi thành niên, anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Tình số tiền 5.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2026 cho đến khi cháu H đến tuổi thành niên, anh L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án bên phải thi hành án chậm thi hành thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3/ Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh L, chị Tình không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh L tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí STDS và phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Đối trừ số tiền 300.000 đồng anh L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000007 ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, anh L đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 1- Hưng Yên;
- UBND xã Hồng Quang, Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Phòng NVKTGD tòa án tỉnh Hưng Yên;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đồng Dục

